

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 33/2019/HS-ST
Ngày 29-10-2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Dân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đông.
2. Ông Ngô Bá Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tham gia phiên tòa: Bà Lê Kim Chăm - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 10 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 33/2019/TLST-HS ngày 25 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Bùi Minh N, sinh năm: 1975 tại tỉnh Bến Tre. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp TN, xã ĐM, huyện CL, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T, sinh năm: 1941 (chết) và bà Lê Thị B, sinh năm 1952 (sống) có vợ và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2017; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cấm đi khỏi nơi cư trú theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 20 ngày 22/4/2019 của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện M, tỉnh Bến Tre; bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện của bị hại Dương Công Đ và Lê Thanh T:

Chị Dương Thị Diệu V, sinh năm: 1993.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp CG, xã TT, huyện TB, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lê Thị B, sinh năm: 1952.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Phường 7, thành phố BT, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

2. Chị Nguyễn Thị Mộng T, sinh năm: 1981.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp TN, xã ĐM, huyện CL, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Anh Lê Anh Tuấn V, sinh năm: 1990.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp TN, xã ĐM, huyện CL, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

2. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1986.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp TN, xã ĐM, huyện CL, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

3. Anh Phạm Tuấn A, sinh năm: 1990.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp TN, xã ĐM, huyện CL, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

4. Anh Nguyễn Minh L, sinh năm: 1998.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp TN, xã ĐM, huyện CL, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

- *Người chứng kiến:*

Ông Võ Văn H, sinh năm: 1963.

Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp TL, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 23/12/2018, Bùi Minh N điều khiển xe ô tô 07 chỗ biển kiểm soát 84A-022.13 chở Phạm Tuấn A, Lê Anh Tuấn V, Nguyễn Văn T và Nguyễn Minh L đi huyện M, tỉnh Bến Tre. Khi đến cầu CC đoạn thuộc ấp TL, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre do mưa lớn, hạn chế tầm nhìn và vượt xe không đảm bảo an toàn nên đụng vào phía sau xe mô tô biển kiểm soát 64F1-340.65 do Lê Thanh T điều khiển chở ông Dương Công Đ đang lưu thông cùng chiều gây tai nạn. Hậu quả ông Dương Công Đ và Lê Thanh T tử vong. Bùi Minh N và những người cùng đi trên xe bị thương tích nhẹ. Xe ô tô biển kiểm soát 84A-022.13 và xe mô tô biển kiểm soát 64F1-340.65 bị hư hỏng nặng và làm hư hỏng một trụ biển báo giao thông tại đầu dãy phân cách đường dẫn vào cầu CC.

Tang vật tạm giữ trong vụ án: 01 xe ô tô con biển kiểm soát 84A-022.13 hiệu HYUNDAI loại SANTAFE DM6-W7L661G màu sơn bạc, số máy G4KEFA681939, số khung RLUSV81CDFN003061, 01 xe mô tô biển kiểm soát 64F1-340.65 hiệu YAMAHA, loại SIRIUS FI, màu sơn đỏ đen, số máy E3T6E275961, số khung 1740HY043115; 01 trụ biển báo giao thông “cấm đi ngược chiều và hướng phải đi vòng chướng ngại vật sang phải” bằng kim loại dài 3,8m,

đường kính 0,09m sơn màu đỏ trắng, thân trụ bị biến dạng hoàn toàn; 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C số 79018228430 mang tên Bùi Minh N.

Kết quả khám nghiệm hiện trường thể hiện:

Trên mặt đường ở phần đường bên phải, trái hướng tỉnh Trà Vinh đi thị trấn TT, huyện M, tỉnh Bến Tre có nhiều mảnh vỡ kéo dài từ dốc cầu CC về hướng thị trấn TT.

Hiện trường của đoạn đường nơi xảy ra tai nạn là một đoạn đường thẳng trên cầu CC và đường dẫn cầu CC thuộc ấp TL, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre. Mặt cầu được trải bê tông nhựa rộng 15 mét, ở giữa có hai vạch kẻ sơn màu V dạng liền nét song song nhau (vạch kẻ tim đường) rộng 0,46 mét, phân chia mặt đường (cầu) thành hai chiều xe chạy riêng biệt.

Tại đoạn đường nơi xảy ra tai nạn có hệ thống báo hiệu đường bộ gồm trụ biển báo giao thông đường bộ “cấm đi ngược chiều và hướng phải đi vòng chướng ngại vật sang phải” đặt ở cuối vạch kẻ tim đường và đầu dây phân cách bê tông (hướng tỉnh Trà Vinh đi thị trấn TT), rào hộ lan bảo vệ ở phía trong mỗi phần đường xe chạy, gờ giảm tốc độ và hệ thống đèn chiếu sáng trên cầu.

Chọn hướng tỉnh Trà Vinh đi thị trấn TT, huyện M, tỉnh Bến Tre làm hướng khám nghiệm. Mỏ cầu bên phải thuộc địa phận huyện M được chọn làm mốc cố định. Mép bên phải vạch kẻ tim đường và dây phân cách làm chuẩn.

Vị trí 1: Vết cày 1 gồm 02 vết cày song song có dạng đường thẳng đứt quãng theo chiều từ tỉnh Trà Vinh đi Bến Tre dài 5,10 mét, mỗi vết rộng 0,01 mét. Vết cày 1 nằm trên vạch kẻ phân chia làn đường và nằm ở phần cầu bên phải theo hướng khám nghiệm. Đầu vết cày 1 cách mép phải vạch tim cầu là 3,45 mét, cuối vết cày 1 cách mép bên phải vạch kẻ tim cầu là 3,40 mét.

Vị trí 2,3: Vết cày 2, vết cày 3 dạng đường thẳng, liền nét, nằm ở phần cầu bên phải theo hướng khám nghiệm. Đầu vết cày 2 cách mép bên phải vạch kẻ tim cầu 3,65 mét và cách đầu vết cày 1 là 0,5 mét, cách đầu vết cày 3 là 0,25 mét. Cuối vết cày 2 cách mép bên phải vạch kẻ tim cầu 3,60 mét.

Vị trí 4: Vết phanh có dạng đường thẳng liền nét nằm trên vạch kẻ phân chia làn đường và ở phần cầu bên phải.

Vị trí 5: Vùng yên xe, ví da (bóp nam), điện thoại di động (gọi tắt là vùng VD) nằm trên phần đường bên phải của đường dẫn vào cầu CC theo hướng khám nghiệm. Vùng VD có kích thước 01 mét x 01 mét, tâm vùng VD cách mép bên phải dây phân cách 7,20 mét và cách đầu vết phanh là 23,50 mét.

Vị trí 6: Nạn nhân Dương Công Đ nằm sấp trên phần đường bên phải đường dẫn lên cầu CC theo hướng khám nghiệm. Đầu nạn nhân quay về hướng thị trấn TT,

chân nạn nhân quay về hướng tỉnh Trà Vinh. Đỉnh đầu nạn nhân cách mép bên phải dây phân cách 6,50 mét, cách đầu vết cày 1 là 54,20m.

Vị trí 7: Vùng mảnh vỡ tiếp giáp trụ biển báo giao thông đường bộ (BB) “cấm đi ngược chiều và hướng phải đi vòng chướng ngại vật sang phải” nằm trên vạch kẻ tim đường và tiếp giáp với dây phân cách bằng bê tông. Vùng mảnh vỡ và trụ biển báo có kích thước 2,80 mét x 0,90 mét, lỗ chân trụ biển báo cách đầu vết cày 1 là 63,70 mét (theo hình chiếu vuông góc).

Vị trí 8, 9: Vết bề bê tông 1 (BT1), vết nhót và vết bề bê tông 2 nằm trên mặt bên phải dây phân cách theo hướng khám nghiệm. Đầu vết bề bê tông 1 tiếp giáp với đầu dây phân cách và trụ biển báo, dài 1,40 mét, rộng 0,13 mét, điểm đầu cách mặt lộ 0,45 mét, điểm cuối BT1 cách mặt lộ 0,75 mét.

Vị trí 14: Xe mô tô biển kiểm soát 64F1-340.65 ngã nghiêng trái, nằm trong lề đường bên phải. Đầu xe quay vào hướng mép đường bên phải và chệch về hướng tỉnh Trà Vinh, đuôi xe quay về hướng thị trấn TT. Tâm bánh trước nằm ở phía trong lề đường bên phải bên dưới rào hộ lan bảo vệ và cách mép bên phải dây phân cách 10,10 mét. Tâm bánh sau tiếp giáp với mép đường bên phải và cách dây phân cách 9,5 mét.

Vị trí 15: Nạn nhân Lê Thanh T nằm ngửa trên phần đường bên phải theo hướng khám nghiệm. Đầu nạn nhân quay về hướng dây phân cách, chân nạn nhân quay về hướng lề đường bên phải. Đỉnh đầu nạn nhân cách mép bên phải dây phân cách 8,30 mét và cách đầu vết cày 1 là 100,3 mét (theo hình chiếu vuông góc).

Vị trí 18: Vết tróc sơn trên mặt bên phải dây phân cách có chiều hướng theo hướng khám nghiệm, dài 1,10 mét, rộng 01 mét điểm đầu cao cách mặt lộ 0,85 mét, điểm cuối cao cách mặt lộ 0,58 mét.

Vị trí 23: Xe ô tô con (07 chỗ) biển kiểm soát 84A-022.13 nằm trên phần đường phải theo hướng khám nghiệm. Đầu xe quay hướng thị trấn TT, đuôi xe quay hướng cầu CC. Trụ và bánh trước trái và phải rời khỏi vị trí ban đầu (bánh và trụ trái văng sang phần đường bên trái, bánh phải nằm tiếp giáp thùng sau xe và rào hộ lan), thành xe bên phải tiếp giáp hộ lan bảo vệ, mép bên trái đầu xe cách mép bên phải dây phân cách 8,40 mét. Tâm bánh sau bên trái cách mép bên phải dây phân cách 8,10 mét và cách đầu vết cày 1 là 144,4 mét (theo hình chiếu vuông góc).

Các vết cày, mảnh vỡ phương tiện còn lại đều nằm trên phần đường bên phải theo hướng khám nghiệm.

Kết quả khám nghiệm phương tiện xe mô tô biển kiểm soát 64F1-340.65 ghi nhận: Hệ thống sườn xe bị đẩy lệch từ sau về trước, từ dưới lên trên. Các bộ phận bên trái xe như đầu tay cầm, chắn gió, cản sau (bảo vệ đuôi xe), mặt ngoài chân

chống, mặt dưới cổ ống xả và 02 đầu gát chân chống đứng bị mài mòn. Nhiều bộ phận khác của xe bị hư hỏng do tai nạn.

Kết quả khám nghiệm phương tiện xe ô tô biển kiểm soát 84A-022.13 ghi nhận: Kính chắn gió trước, cần gạt nước bị bể đẩy lệch từ trước về sau. Nắp ca-pô bị trầy xước móp thụng, biến dạng bị đẩy lệch từ trước về sau. Cản trước phía trong rời khỏi vị trí ban đầu và bị đứt gãy trầy xước, móp thụng mặt trước, hướng từ trước về sau. Hệ thống đèn chiếu sáng phía trước bị hư hỏng hoàn toàn và nhiều bộ phận phía trước đầu xe, thân xe bị hư hỏng nặng.

Tại Bản kết luận giám định số 852/C09B ngày 29/01/2019 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định đối với sự cố kỹ thuật và tốc độ xe ô tô biển kiểm soát 84A-022.13: Trước và tại thời điểm tham gia tai nạn giao thông, hệ thống phanh, lái của xe ô tô biển kiểm soát 84A-022.13 không bị hư hỏng do sự cố kỹ thuật. Trước khi tham gia tai nạn giao thông, đèn và còi xe ô tô biển kiểm soát 84A-022.13 không bị hư hỏng do sự cố kỹ thuật. Không đủ cơ sở xác định tốc độ xe ô tô biển kiểm soát 84A-022.13 khi tham gia tai nạn giao thông.

Tại Kết luận giám định số 853/C09B ngày 12/3/2019 của Phân viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh xác định về dấu vết cơ học như sau: Bên phải phía trước xe ô tô biển kiểm soát 84A-022.13 và phía sau xe mô tô biển kiểm soát 64F1-340.65 là vị trí va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện. Vị trí va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện chiếu xuống mặt đường nằm trước đầu vết cày ký hiệu số 1 trên phần đường bên phải cầu CC theo hướng tỉnh Trà Vinh đi thị trấn TT, không đủ cơ sở xác định thuộc làn đường bên nào. Khi va chạm, xe ô tô biển kiểm soát 84A-022.13 chuyển động trên cầu CC theo hướng tỉnh Trà Vinh đi thị trấn TT và xe mô tô biển kiểm soát 64F1-340.65 chuyển động phía trước cùng chiều.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về tử thi số 222/TT và số 223/TT cùng ngày 02/01/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an tỉnh Bến Tre kết luận: Nguyên nhân chết của nạn nhân Lê Thanh T và Dương Công Đ là do đa chấn thương.

Tại bản Cáo trạng số 33/CT-VKSMCN ngày 17 tháng 9 năm 2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện M để xét xử đối với bị cáo Bùi Minh N về “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa:

Bị cáo giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra, truy tố và thừa nhận hành vi đã thực hiện theo nội dung bản cáo trạng, người đại diện của bị hại, người

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng giữ nguyên lời khai như trong quá trình điều tra, truy tố; người chứng kiến vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về vụ án, cho rằng: Việc truy tố hành vi của bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên bảo lưu toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Bùi Minh N phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Bùi Minh N từ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù đến 03 (ba) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 589, Điều 590 và Điều 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử:

Bị cáo N đã bồi thường cho người đại diện của hai bị hại số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng). Ngoài ra, bị cáo còn hỗ trợ chi phí đi lại cho người đại diện của bị hại chị Dương Thị Diệu V số tiền 20.000.000 đồng, khắc phục trụ biển báo giao thông “cấm đi ngược chiều và hướng phải đi vòng chướng ngại vật sang phải” bị hư hỏng là 5.000.000 đồng; bồi thường chi phí điều trị thương tích cho Phạm Tuấn A, Lê Anh Tuấn V, Nguyễn Văn T và Nguyễn Minh L số tiền 10.000.000 đồng. Chị Diệu V, anh Tuấn A, anh Tuấn V, anh Tiên và anh Luân không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên ghi nhận.

Bà Lê Thị B và chị Nguyễn Thị Mộng T có hỗ trợ tiền cho bị cáo bồi thường thiệt hại nhưng không yêu cầu bị cáo trả lại nên ghi nhận.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử:

Ghi nhận Cơ quan điều tra đã trả cho bị cáo N 01 xe ô tô biển kiểm soát 84A-022.13 hiệu HYUNDAI và 01 trụ biển báo giao thông “cấm đi ngược chiều và hướng phải đi vòng chướng ngại vật sang phải”. Trả cho người đại diện của bị hại 01 xe mô tô biển kiểm soát 64F1-340.65 hiệu YAMAHA.

Đối với 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C số 79018228430 do Sở giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp mang tên Bùi Minh N đề nghị trả lại cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện M, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người đại diện của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và người chứng kiến không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện theo quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát truy tố, Hội đồng xét xử xét thấy:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 23/12/2018, tại cầu CC đoạn thuộc ấp TL, xã TT, huyện M, tỉnh Bến Tre, Bùi Minh N điều khiển xe ô tô con biển kiểm soát 84A-022.13 tham gia giao thông trong điều kiện thời tiết hạn chế tầm nhìn, vượt không đảm bảo an toàn, xử lý tình huống kém nên đụng vào xe mô tô biển kiểm soát 64F1-340.65 do Lê Thanh T điều khiển chở ông Dương Công Đ lưu thông cùng chiều phía trước, hành vi của bị cáo đã vi phạm khoản 2 Điều 8, điểm đ khoản 5 Điều 14 của Luật Giao thông đường bộ năm 2008. Hậu quả tai nạn làm chết hai người là ông Dương Công Đ và anh Lê Thanh T.

Hành vi đó của bị cáo đã xâm phạm đến sự an toàn của hoạt động giao thông đường bộ và sự an toàn về sức khỏe, tính mạng của người khác. Do đó, hành vi của bị cáo N đã phạm vào “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố hành vi phạm tội của bị cáo là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Mặc dù tai nạn là không mong muốn, bị cáo phạm tội với lỗi vô ý. Tuy nhiên, tai nạn đã gây ra hậu quả rất nghiêm trọng làm mất đi hai người thân, gây đau thương mất mát cho gia đình bị hại. Hiện nay, tình hình an ninh trật tự liên quan đến loại tội phạm này xảy ra trên địa bàn huyện ngày càng gia tăng và phức tạp, trong khi đó người tham gia giao thông chủ quan khi điều khiển phương tiện, bất chấp luật giao thông nên cần đưa vụ án ra xét xử nghiêm để phòng ngừa chung trong xã hội.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại. Trong suốt quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra, bị cáo có bà ngoại ruột là người có công được Nhà nước tặng Huy chương kháng chiến, bị cáo có nhiều đóng góp cho địa phương được

chính quyền các cấp tặng nhiều giấy khen. Tại phiên tòa, người đại diện của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt và xin cho bị cáo được hưởng án treo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 nên cần áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo.

Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo với xã hội mà giao bị cáo cho chính quyền địa phương phối hợp với gia đình giáo dục cũng đủ.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo N đã bồi thường cho người đại diện của hai bị hại số tiền 600.000.000đ (Sáu trăm triệu đồng) gồm: Tiền tổn thất tinh thần là 179.000.000 đồng, chi phí mai táng là 100.000.000 đồng, cấp dưỡng nuôi con bị hại Lê Thanh T cho đến khi đủ 18 tuổi số tiền 211.000.000 đồng, cấp dưỡng nuôi cha bị hại Dương Công Đ là ông Dương Công M số tiền 100.000.000 đồng, chi phí sửa chữa xe mô tô biển kiểm soát 64F1-340.65 là 10.000.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo còn hỗ trợ chi phí đi lại cho chị Diệu V số tiền 20.000.000 đồng, khắc phục trụ biển báo giao thông “cấm đi ngược chiều và hướng phải đi vòng chướng ngại vật sang phải” bị hư hỏng là 5.000.000 đồng; bồi thường chi phí điều trị thương tích cho Phạm Tuấn A, Lê Anh Tuấn V, Nguyễn Văn T và Nguyễn Minh L số tiền 10.000.000 đồng. Chị Diệu V, anh Tuấn A, anh Tuấn V, anh Tiền và anh Luân không yêu cầu bồi thường gì thêm. Bà Lê Thị B và chị Nguyễn Thị Mộng T có hỗ trợ một phần tiền để bị cáo bồi thường thiệt hại nhưng không yêu cầu bị cáo trả lại. Xét thấy đây là ý chí tự nguyện của các đương sự, phù hợp với Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 589, Điều 590 và Điều 591 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên ghi nhận.

[5] Về xử lý vật chứng:

Ghi nhận Cơ quan điều tra Công an huyện M đã trả cho bị cáo N 01 xe ô tô con biển kiểm soát 84A-022.13 hiệu HYUNDAI và 01 trụ biển báo giao thông “cấm đi ngược chiều và hướng phải đi vòng chướng ngại vật sang phải”. Trả cho chị Dương Thị Diệu V là người đại diện của bị hại 01 xe mô tô biển kiểm soát 64F1-340.65 hiệu YAMAHA.

Đối với 01 giấy phép lái xe ô tô hạng C số 79018228430 do Sở giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh cấp mang tên Bùi Minh N không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

[6] Về nghĩa vụ chịu tiền án phí:

Bị cáo Bùi Minh N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Bùi Minh N phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 260; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Bùi Minh N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 29/10/2019.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã ĐM, huyện CL, tỉnh Trà Vinh phối hợp với gia đình giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong nên không đề cập.

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Trả lại 01 (một) giấy phép lái xe ô tô hạng C số 79018228430 cho bị cáo Bùi Minh N tại phiên tòa.

[4] Về nghĩa vụ chịu tiền án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Bùi Minh N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

[5] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo, người đại diện của bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện M;
- Công an huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã ĐM, huyện CL,
tỉnh Trà Vinh;
- Sở tư pháp tỉnh Bến Tre;
- Bị cáo, người đại diện của bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM .HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Hồng Dân